

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **03/2019/KDTM-ST**

Ngày: 19/7/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Tiến

Bà Hồ Thị Ngân

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Danh Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 11/2019/TLST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V (VOLTRANS LOGISTICS., LTD);

Địa chỉ: Số 4/2 đường D, phường 5, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Tá V, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1991, đại diện theo giấy ủy quyền ngày 12/3/2019 (có mặt).

Địa chỉ: Số 360 ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N (vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật: Bà Tạ Thanh H, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 54A đường N, phường V, Tp. R, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Bùi Thị L trình bày: Vào ngày 27/02/2017 Công ty TNHH Tiếp vận vận tải quốc tế V có ký kết Hợp đồng dịch vụ giao nhận số VOLNHK17022 với Công ty TNHH MTV N. Theo đó Công ty V đồng ý làm đại diện cho Công ty N

để thực hiện vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, đường hàng không, vận chuyển nội địa, khai báo Hải quan, làm dịch vụ C/O Form D. Đồng thời, Công ty N có trách nhiệm phải thanh toán đủ 100% trị giá hóa đơn của từng lô hàng cho Công ty V trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tàu chạy.

Trong thời gian đầu thực hiện hợp đồng, việc hợp tác giữa Công ty chúng tôi với Công ty N diễn ra khá thuận lợi, hai bên đều thực hiện tốt các điều khoản được quy định trong hợp đồng. Tuy nhiên, từ tháng 6/2017 đến nay, Công ty N lại vi phạm điều khoản thanh toán theo hợp đồng, nhiều lần không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty chúng tôi với số tiền 55.474.813 đồng. Công ty chúng tôi nhiều lần liên hệ nhắc nhở nhưng Công ty N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngày 16/6/2018 ông Phạm Văn T - Phó giám đốc Công ty N đã ký văn bản cam kết sẽ hoàn tất việc thanh toán cho Công ty chúng tôi tiền công nợ nêu trên vào ngày 31/8/2018, nhưng không thực hiện.

Ngày 05/10/2018 Công ty chúng tôi có gửi Công văn số 0081/CV/VOL-2018 đề nghị Công ty N thanh toán công nợ chậm nhất vào ngày 13/10/2018 thế nhưng Công ty N vẫn không thực hiện trả nợ.

Nay Công ty TNHH Tiếp vận vận tải quốc tế V yêu cầu Tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N phải trả số tiền 55.474.813 đồng.

* Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng Công ty không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý đến ngày đưa quyết định ra xét xử chấp hành đúng quy định tại Điều 203, Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn hoãn phiên tòa.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhận thấy như sau: Việc ký kết hợp đồng dịch vụ giữa Công ty V và Công ty N trên cơ sở hòa toàn tự nguyện. Thời gian đầu việc thanh toán của Công ty N đầy đủ, không vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 6 năm 2017 Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty V với số tiền 55.474.813 đồng. Công ty V đã cung cấp chứng cứ là biên bản xác nhận công nợ vào ngày 16/10/2018 với Công ty N có chữ ký xác nhận nợ của ông Phạm Văn T - Phó giám đốc Công ty N, từ đó có thể chứng minh việc Công ty N còn thiếu tiền của Công ty V là đúng sự thật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 513, Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 85, Điều 87 Luật Thương mại năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ của hợp đồng dịch vụ là 55.474.813 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N vẫn vắng mặt không rõ lý do và đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N đã phát sinh giao dịch vận chuyển hàng hóa thông qua hợp đồng dịch vụ giao nhận số VOLNHK17022 ngày 27/02/2017, theo đó Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V làm đại diện

cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N để thực hiện vận chuyển hàng hóa bằng đường biển, đường hàng không, vận chuyển nội địa, khai báo Hải quan, làm dịch vụ C/O Form D, hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 55.474.813 đồng. Ngày 16/6/2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N (do ông Phạm Văn T chức vụ Phó giám đốc Công ty làm đại diện) đã lập biên bản xác nhận công nợ và cam kết thời gian thanh toán với nội dung “... nợ gốc 55.474.813 đồng... thanh toán dứt điểm chậm nhất đến ngày 30/8/2018 ...”. Đồng thời, ngày 05/10/2018 Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V có gửi Công văn số 0081/CV/VOL-2018 đề nghị Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N thanh toán công nợ chậm nhất vào ngày 13/10/2018 thế nhưng Công ty N vẫn không thực hiện trả nợ.

Về phía bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối ý kiến của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*; tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N đã không có ý kiến phản đối đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V số tiền 55.4774.813 đồng là có thật. Đồng thời, căn cứ vào Điều 74, Điều 85, Điều 87 Luật thương mại năm 2005 quy định về hình thức hợp đồng dịch vụ, nghĩa vụ của khách hàng, thời hạn thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N phải có nghĩa vụ trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V số tiền nợ gốc là 55.4774.813 đồng.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không giá ngạch là 3.000.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 513, Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 74, Điều 85, Điều 87 Luật thương mại năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tiếp vận vận tải quốc tế V số tiền 55.474.813 đồng (*năm mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm mười ba đồng*) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm không giá ngạch là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Tiếp vận vận tải quốc tế V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), theo biên lai thu số 0001540 ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Cơ quan THA Dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN

